

Số: /2026/NĐ-CP
(Tài liệu gửi lấy ý kiến)

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Nghị quyết về việc thí điểm thực hiện chế định luật sư công**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Luật sư số 65/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 20/2012/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2026/QH16 về việc thí điểm thực hiện chế định luật sư công;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết về việc thí điểm thực hiện chế định luật sư công.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 5, khoản 4 Điều 6, khoản 3 Điều 9, khoản 5 Điều 10 của Nghị quyết số 24/2026/QH16 về việc thí điểm thực hiện chế định luật sư công (sau đây gọi là Nghị quyết) và biện pháp thi hành Nghị quyết bao gồm đào tạo nghề, gia nhập Đoàn Luật sư, cấp Thẻ cho luật sư công, lập danh sách luật sư công, bồi dưỡng cho luật sư công, xử lý vi phạm và giải quyết tố cáo đối với luật sư công, quản lý luật sư công.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư công, cơ quan, doanh nghiệp quản lý người tập sự hành nghề luật sư* là cơ quan, doanh nghiệp nhà nước nơi luật sư công, người tập sự hành nghề luật sư làm việc thường xuyên và hưởng lương hằng tháng.

2. *Cơ quan sử dụng luật sư công* là cơ quan, tổ chức thực hiện thí điểm có vụ, việc hoặc được giao chủ trì giải quyết vụ, việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước.

3. *Vụ, việc pháp lý phức tạp* là vụ, việc pháp luật quy định chưa rõ ràng hoặc pháp luật chưa có quy định hoặc khó giải quyết, cần có thời gian xác minh,

giải quyết hoặc có tài liệu, chứng cứ mâu thuẫn nhau hoặc có yếu tố nước ngoài hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

4. Công việc có tính chất pháp lý khác bao gồm tư vấn soạn thảo tài liệu pháp lý, đại diện theo uỷ quyền và tư vấn xử lý vấn đề pháp lý khác nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, doanh nghiệp nhà nước.

Chương II **LUẬT SƯ CÔNG**

Điều 3. Đào tạo nghề luật sư

1. Người có Bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ luật được tham dự khóa đào tạo nghề luật sư tại cơ sở đào tạo nghề luật sư.

2. Thời gian đào tạo nghề luật sư là mười hai tháng.

Người hoàn thành chương trình đào tạo nghề luật sư được cơ sở đào tạo nghề luật sư cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư.

3. Những người sau đây được miễn đào tạo nghề luật sư để trở thành luật sư công:

- a) Giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật; tiến sĩ luật;
- b) Đã từng là thẩm phán cao cấp, kiểm sát viên cao cấp, điều tra viên cao cấp chấp hành viên cao cấp, thẩm tra viên cao cấp;
- c) Đã từng là thẩm phán trung cấp, kiểm sát viên trung cấp, điều tra viên trung cấp; chấp hành viên chính, thẩm tra viên chính;
- d) Chuyên viên cao cấp, pháp chế viên cao cấp, thanh tra viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật và tương đương;
- đ) Chuyên viên chính, pháp chế viên chính, thanh tra viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên chính trong lĩnh vực pháp luật và tương đương.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định các chức danh tương đương được quy định tại điểm d và đ khoản 3 Điều này.

Điều 4. Tập sự hành nghề luật sư công

1. Người muốn tập sự hành nghề luật sư để trở thành luật sư công là người đã được đào tạo nghề luật sư hoặc thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư mà đáp ứng tiêu chuẩn tại điểm a, b khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết.

2. Thời gian tập sự của người thuộc trường hợp quy định tại điểm c, đ khoản 3 Điều 3 của Nghị định này là 04 tháng.

3. Đối với người có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư và đã có thời gian giữ ngạch chuyên viên, pháp chế viên, thanh tra viên, nghiên cứu viên, giảng viên trong lĩnh vực pháp luật và tương đương theo quy định của Bộ

trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an từ 10 năm trở lên, thời gian tập sự là 06 tháng.

4. Người muốn tập sự lựa chọn và thỏa thuận với một tổ chức hành nghề luật sư để tập sự.

Trong trường hợp người muốn tập sự hành nghề luật sư không thỏa thuận được với tổ chức hành nghề luật sư về việc nhận tập sự thì đề nghị Sở Tư pháp nơi có trụ sở của cơ quan quản lý người tập sự để giới thiệu tổ chức hành nghề luật sư.

Tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự cử luật sư hướng dẫn và gửi văn bản tiếp nhận tập sự cho người tập sự và cơ quan, doanh nghiệp quản lý người tập sự. Cơ quan, doanh nghiệp quản lý người tập sự ban hành Quyết định tập sự, trong đó nêu rõ nơi tập sự và thời gian tập sự.

Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư mà từ chối nhận tập sự khi không có lý do chính đáng thì bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật về luật sư.

Điều 5. Trách nhiệm của người tập sự

1. Theo sự phân công và giám sát của luật sư hướng dẫn, khi được khách hàng đồng ý, luật sư tập sự thực hiện các hoạt động nghề nghiệp sau đây:

a) Được thực hiện hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về tố tụng.

b) Thực hiện tư vấn pháp luật, soạn thảo tài liệu pháp lý, đại diện theo ủy quyền và tư vấn các vấn đề pháp lý khác cho khách hàng nhưng không được ký văn bản tư vấn pháp luật;

c) Được thực hiện hoạt động nghề nghiệp khác phù hợp với quy định pháp luật.

2. Người tập sự lập Sổ nhật ký tập sự hành nghề luật sư theo Mẫu số TP-LSC-01 để ghi chép các công việc thuộc nội dung tập sự mà mình thực hiện trong thời gian tập sự. Sổ nhật ký tập sự có xác nhận của người hướng dẫn và cơ quan, tổ chức nhận tập sự khi kết thúc quá trình tập sự.

Khi hoàn thành thời gian tập sự hành nghề luật sư, người tập sự có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về quá trình tập sự theo Mẫu số TP-LSC-02. Báo cáo quá trình tập sự phải có nhận xét, chữ ký của người hướng dẫn, xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi tập sự và được gửi cho cơ quan, doanh nghiệp quản lý người tập sự.

Điều 6. Trách nhiệm của người hướng dẫn tập sự

1. Người hướng dẫn tập sự là luật sư có ít nhất 03 năm kinh nghiệm hành nghề luật sư. Trong cùng một thời điểm, một người không hướng dẫn quá 03

người tập sự.

2. Luật sư hướng dẫn tập sự có trách nhiệm sau đây:

a) Hướng dẫn người tập sự theo nội dung tập sự, việc thực hiện trách nhiệm của người tập sự;

b) Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các công việc của người tập sự do mình phân công, xác nhận vào Sổ nhật ký tập sự;

c) Nhận xét về quá trình tập sự, trong đó nêu rõ các ưu điểm, hạn chế về năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng hành nghề, ý thức tuân thủ pháp luật, ý thức tổ chức kỷ luật, việc thực hiện Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam;

d) Chịu trách nhiệm về quá trình tập sự của người tập sự; tạo điều kiện để người tập sự hoàn thành thời gian tập sự; không được cản trở hay hạn chế người tập sự thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về những vụ, việc mà người tập sự thực hiện theo sự phân công và hướng dẫn của mình;

đ) Kịp thời báo cáo cơ quan, doanh nghiệp quản lý người tập sự về việc người tập sự không thực hiện đầy đủ trách nhiệm, vi phạm quy định pháp luật trong quá trình tập sự;

e) Từ chối hướng dẫn tập sự khi không có năng lực chuyên môn phù hợp hoặc các điều kiện cần thiết khác để hướng dẫn hoặc người tập sự không đáp ứng điều kiện theo quy định của Nghị định này;

g) Các trách nhiệm khác liên quan đến việc hướng dẫn tập sự theo phân công của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự, quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự

1. Thực hiện giám sát việc tập sự hành nghề luật sư, quản lý người tập sự trong quá trình tập sự tại tổ chức mình.

2. Gửi văn bản tiếp nhận tập sự hành nghề luật sư cho người tập sự, cơ quan, doanh nghiệp quản lý người tập sự; ký, xác nhận vào Sổ nhật ký tập sự và Báo cáo quá trình tập sự; phân công người đáp ứng đủ điều kiện hướng dẫn người tập sự và chịu trách nhiệm về việc phân công đó.

3. Bảo đảm việc thực hiện trách nhiệm của người tập sự, tạo điều kiện thuận lợi cho người tập sự và luật sư hướng dẫn tập sự tại cơ quan, tổ chức mình.

4. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của luật sư hướng dẫn, trách nhiệm của người tập sự.

5. Hòa giải tranh chấp giữa luật sư hướng dẫn và người tập sự.

6. Từ chối nhận người tập sự trong trường hợp người tập sự không đáp ứng điều kiện quy định của Nghị định này, tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự không còn luật sư có đủ điều kiện hướng dẫn tập sự theo quy định của pháp luật về luật sư; chấm dứt việc nhận hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư trong trường hợp người tập sự bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

7. Xem xét việc từ chối, thay đổi luật sư hướng dẫn.

8. Các trách nhiệm khác theo thỏa thuận với người tập sự và quy định của pháp luật.

Điều 8. Người được miễn tập sự hành nghề luật sư

1. Cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước thuộc các trường hợp sau đây được miễn tập sự hành nghề luật sư:

- a) Giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật; tiến sĩ luật;
- b) Đang là chuyên viên cao cấp, pháp chế viên cao cấp, thanh tra viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp, trong lĩnh vực pháp luật và tương đương;
- c) Đã từng là thẩm phán cao cấp, kiểm sát viên cao cấp, điều tra viên cao cấp, chấp hành viên cao cấp, thẩm tra viên cao cấp.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định các chức danh tương đương được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 9. Kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công

1. Người được miễn tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này không phải tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công.

2. Người tập sự hành nghề luật sư đã hoàn thành thời gian tập sự hành nghề luật sư được tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công.

3. Bộ Tư pháp có trách nhiệm tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công. Hội đồng kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập. Hội đồng kiểm tra làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, thảo luận tập thể và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Thành phần Hội đồng kiểm tra có đại diện Bộ Tư pháp, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và thành viên là đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan.

4. Nội dung kiểm tra bao gồm nhận thức chính trị; pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư; Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam; kỹ năng hành nghề luật sư công.

5. Bộ Tư pháp hướng dẫn việc tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề

của luật sư công.

Điều 10. Tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công, cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư

1. Căn cứ vào nhu cầu thực tế sử dụng luật sư công, cơ quan thực hiện thí điểm lập Danh sách người đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra thuộc biên chế quản lý của mình, kèm theo hồ sơ của người dự thi gửi Bộ Tư pháp qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống bưu chính.

Hồ sơ dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư gồm có:

- a) Văn bản đề nghị của cơ quan thực hiện thí điểm;
- b) Bản sao hoặc bản sao điện tử Bảng cử nhân luật hoặc Bảng thạc sĩ luật;
- c) Bản sao hoặc bản sao điện tử giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 3 của Nghị định này;
- d) Bản sao hoặc bản sao điện tử Quyết định tập sự luật sư công;
- đ) Báo cáo quá trình tập sự kèm theo Sổ nhật ký tập sự theo quy định của Nghị định này;
- e) Bản sao hoặc bản sao điện tử giấy tờ chứng minh có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc thường xuyên, trực tiếp trong lĩnh vực pháp luật hoặc kinh nghiệm tranh tụng, tư vấn pháp luật hoặc giải quyết vụ, việc pháp lý phức tạp.

Người đạt yêu cầu kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công được Bộ Tư pháp cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày công bố kết quả kỳ kiểm tra.

2. Căn cứ vào nhu cầu thực tế sử dụng luật sư công, cơ quan thực hiện thí điểm lập Danh sách người thuộc biên chế của mình được miễn tập sự thuộc biên chế của mình quy định tại Điều 8 của Nghị định này, kèm theo hồ sơ của người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi Bộ Tư pháp qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống bưu chính.

Hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư gồm có:

- a) Các giấy tờ quy định tại điểm a và e khoản 1 Điều này;
- b) Bản sao hoặc bản sao điện tử Bảng cử nhân luật hoặc Bảng thạc sĩ luật hoặc tiến sĩ luật;
- c) Bản sao hoặc bản sao điện tử giấy tờ chứng minh là người được miễn tập sự hành nghề luật sư quy định tại Điều 8 của Nghị định này;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho luật sư công; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Bộ Tư pháp có trách nhiệm tạo lập và lưu trữ hồ sơ của luật sư công

trên môi trường điện tử.

4. Luật sư công được tham gia giải quyết công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước kể từ ngày được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.

Điều 11. Gia nhập Đoàn Luật sư, cấp Thẻ luật sư cho luật sư công

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Chứng chỉ hành nghề luật sư, luật sư công thực hiện việc gia nhập Đoàn Luật sư nơi cơ quan, doanh nghiệp quản lý của mình có trụ sở.

2. Hồ sơ gia nhập Đoàn Luật sư được gửi đến Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư gồm có:

a) Giấy đề nghị gia nhập Đoàn Luật sư theo mẫu do Liên đoàn Luật sư Việt Nam ban hành;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử Chứng chỉ hành nghề luật sư.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư ra quyết định về việc gia nhập Đoàn Luật sư cho luật sư công.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định gia nhập Đoàn Luật sư, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp Thẻ luật sư cho người gia nhập Đoàn Luật sư. Thời hạn cấp Thẻ luật sư không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Đoàn Luật sư.

Điều 12. Thủ tục thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư công

1. Khi có một trong những căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết, cơ quan thực hiện thí điểm có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư công, trong đó nêu rõ lý do thu hồi kèm theo giấy tờ chứng minh.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư công.

Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư được gửi cho cơ quan đề nghị thu hồi, gửi Liên đoàn Luật sư Việt Nam để thu hồi Thẻ Luật sư và gửi Đoàn Luật sư nơi luật sư công là thành viên để xóa tên khỏi danh sách thành viên Đoàn Luật sư.

Điều 13. Thủ tục cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư cho luật công

1. Trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề luật sư bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác mà thông tin trên Chứng chỉ hành nghề luật sư bị thay đổi thì cơ quan thực hiện thí điểm có văn bản gửi Bộ Tư pháp qua Công Dịch vụ công

quốc gia hoặc hệ thống bưu chính đề nghị cấp đổi Chứng chỉ hành nghề luật sư cho luật sư công, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp đổi.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định cấp đổi Chứng chỉ hành nghề luật sư cho luật sư công.

2. Người đã bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết được xem xét cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư khi đáp ứng các tiêu chuẩn của luật sư công quy định tại Điều 5 của Nghị quyết và lý do bị thu hồi Chứng chỉ không còn.

Hồ sơ đề nghị cấp lại được gửi đến Bộ Tư pháp qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống bưu chính. Hồ sơ gồm có:

- a) Văn bản đề nghị của cơ quan thực hiện thí điểm;
- b) Giấy tờ chứng minh đáp ứng tiêu chuẩn luật sư công và lý do bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư không còn.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư cho luật sư công.

Điều 14. Lập danh sách luật sư công

1. Cơ quan thực hiện thí điểm có trách nhiệm lập, đăng tải Danh sách luật sư công trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình sau khi luật sư công được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.

2. Thông tin đăng tải về luật sư công bao gồm:

- a) Họ và tên;
- b) Ngày, tháng, năm sinh;
- c) Số Chứng chỉ hành nghề luật sư;
- d) Nơi công tác;
- đ) Lĩnh vực chuyên môn;
- e) Các thông tin khác.

3. Cơ quan thực hiện thí điểm có trách nhiệm gửi Danh sách luật sư công của cơ quan mình kèm theo các thông tin về luật sư công quy định tại khoản 2 Điều này cho Bộ Tư pháp để đăng tải Danh sách luật sư công của các cơ quan thực hiện thí điểm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

Khi có sự thay đổi thông tin trong Danh sách luật sư công, cơ quan thực hiện thí điểm có trách nhiệm điều chỉnh thông tin và thông báo cho Bộ Tư pháp trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày điều chỉnh.

Điều 15. Bồi dưỡng luật sư công

1. Người được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc luật sư hành nghề theo quy định của pháp luật về luật sư được tuyển dụng làm luật sư công phải tham gia bồi dưỡng tối thiểu là 03 ngày.

Nội dung bồi dưỡng gồm: Pháp luật về luật sư và pháp luật về luật sư công, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam; kỹ năng tham gia giải quyết công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước và nội dung khác liên quan đến hoạt động của luật sư công.

2. Luật sư công có nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng bắt buộc theo quy định của pháp luật về luật sư. Luật sư công đã tham gia bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được tính vào thời gian bồi dưỡng bắt buộc của năm đó.

Chương III

GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC CÓ TÍNH CHẤT PHÁP LÝ TẠI KHU VỰC NHÀ NƯỚC

Điều 16. Quy trình cử luật sư công tham gia giải quyết công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước

1. Khi phát sinh vụ, việc có tính chất pháp lý, cơ quan thực hiện thí điểm cử luật sư công của cơ quan mình để tham gia giải quyết vụ, việc. Văn bản cử luật sư công nêu rõ nội dung công việc, phạm vi công việc, thời hạn thực hiện công việc, quyền và nghĩa vụ của luật sư công trong thời gian thực hiện công việc, các chế độ, chính sách mà luật sư công được hưởng, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm các điều kiện cần thiết cho luật sư công thực hiện nhiệm vụ.

2. Cơ quan thực hiện thí điểm có nhu cầu sử dụng luật sư công của cơ quan khác thì có văn bản đề nghị cơ quan có luật sư công cử hoặc đề nghị Bộ Tư pháp giới thiệu để cử luật sư công. Văn bản đề nghị cử hoặc giới thiệu luật sư công gồm có nội dung sau đây:

- a) Thông tin về nội dung vụ, việc;
- b) Dự kiến phạm vi và nội dung công việc của luật sư công;
- c) Dự kiến thời hạn thực hiện vụ, việc;
- d) Trách nhiệm của luật sư công khi thực hiện vụ, việc;
- đ) Các chế độ, chính sách luật sư công được hưởng;
- e) Các nội dung khác có liên quan.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cử, cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư công có trách nhiệm cử luật sư

công của cơ quan, tổ chức mình để thực hiện các vụ, việc của cơ quan, tổ chức đề nghị cử. Trong trường hợp không cử được luật sư công, cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư công phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị giới thiệu luật sư công, Bộ Tư pháp rà soát danh sách luật sư công của các cơ quan thực hiện thí điểm để lựa chọn và giới thiệu luật sư công cho cơ quan có nhu cầu sử dụng luật sư công.

5. Cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư công có trách nhiệm tạo điều kiện để luật sư công tham gia xử lý công việc có tính chất pháp lý ở khu vực nhà nước; tạo điều kiện về thời gian, công việc và các điều kiện khác để luật sư công của cơ quan, doanh nghiệp mình thực hiện quyền và nghĩa vụ của luật sư công.

6. Cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư công được từ chối cử luật sư công khi có một trong các lý do sau đây:

- a) Nội dung vụ, việc cần luật sư công tham gia không phù hợp với chuyên môn của luật sư công thuộc cơ quan, doanh nghiệp mình;
- b) Không có luật sư công đủ năng lực chuyên môn để tham gia giải quyết vụ, việc;
- c) Không bố trí được thời gian để luật sư công tham gia giải quyết vụ, việc;
- d) Không bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan của luật sư công tham gia giải quyết vụ, việc;
- đ) Các lý do chính đáng khác.

7. Trong quá trình tham gia giải quyết vụ, việc, luật sư công có nghĩa vụ từ chối nếu việc tham gia vụ, việc không bảo đảm tính độc lập, khách quan và được bảo lưu ý kiến của mình.

Điều 17. Ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư

1. Cơ quan thực hiện thí điểm có thể lựa chọn và ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư để cùng luật sư công giải quyết vụ, việc có tính chất pháp lý khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Vụ, việc có tính chất phức tạp, đòi hỏi chuyên môn sâu mà đội ngũ luật sư công chưa đáp ứng được;
- b) Số lượng vụ, việc phức tạp cần nhiều luật sư mà vượt quá khả năng tham gia của đội ngũ luật sư công;
- c) Vụ, việc phức tạp có yếu tố nước ngoài.

2. Việc lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư được thực hiện theo quy trình lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt áp dụng tương tự việc lựa chọn luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan tài phán nước ngoài hoặc quốc tế theo quy định của pháp luật đấu thầu.

3. Khi giải quyết vụ, việc, luật sư công có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với luật sư của tổ chức hành nghề luật sư trong việc bảo vệ lợi ích của Nhà nước. Khi có sự không thống nhất giữa luật sư công và luật sư hành nghề trong quá trình giải quyết vụ, việc thì các luật sư báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng luật sư công xem xét, quyết định.

Chương IV **CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH,** **KINH PHÍ BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA LUẬT SƯ CÔNG**

Điều 18. Chế độ, chính sách đối với luật sư công

1. Luật sư công là người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước được hưởng mức hỗ trợ hằng tháng theo mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động với doanh nghiệp nhà nước.

2. Một buổi làm việc của luật sư công được tính là 04 giờ. Các công việc của luật sư công thực hiện để giải quyết vụ, việc làm cơ sở để tính thời gian làm việc bao gồm:

- a) Nghiên cứu, sao chụp hồ sơ, tài liệu;
- b) Xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, tình tiết liên quan;
- c) Làm việc với cơ quan, tổ chức sử dụng luật sư công;
- d) Làm việc với cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ, việc, tham gia tố tụng;
- đ) Làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- e) Xây dựng phương án giải quyết và chuẩn bị hồ sơ vụ, việc;
- g) Các công việc khác có liên quan.

3. Thời gian làm việc của luật sư công quy định tại khoản 2 Điều này do cơ quan sử dụng luật sư công xác nhận.

4. Ngoài khoản hỗ trợ và bồi dưỡng theo quy định của Nghị quyết và Nghị định này, luật sư công được hưởng chế độ, chính sách khác tương tự như đối với cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang có vị trí việc làm xây dựng pháp luật, pháp chế theo quy định của Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 19. Trách nhiệm bảo đảm kinh phí cho hoạt động của luật sư

công và thực hiện chế độ, chính sách đối với luật sư công

1. Cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư công có trách nhiệm chi trả phí tập sự hành nghề luật sư, mức hỗ trợ hằng tháng cho luật sư công, các khoản phí liên quan đến gia nhập, duy trì tư cách thành viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư công và thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định của Nghị định này.

2. Cơ quan sử dụng luật sư công có trách nhiệm thanh toán tiền bồi dưỡng cho luật sư công, các khoản chi phí khác theo quy định của Nghị định này khi luật sư công tham gia giải quyết vụ, việc có tính chất pháp lý của cơ quan, tổ chức mình.

3. Cơ quan thực hiện thí điểm dự toán kinh phí chi trả cho tổ chức hành nghề luật sư theo hợp đồng dịch vụ pháp lý và kinh phí khác bảo đảm cho hoạt động của luật sư công gửi cơ quan tài chính tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách.

Chương V QUẢN LÝ LUẬT SƯ CÔNG

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về luật sư công

1. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ quản lý nhà nước về luật sư công có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về luật sư công và hướng dẫn thi hành các văn bản đó; ban hành tiêu chí đánh giá hoạt động của luật sư công;

b) Phổ biến, tuyên truyền pháp luật về luật sư công và pháp luật có liên quan;

c) Tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công;

d) Cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư;

đ) Lập, đăng tải danh sách luật sư công của các cơ quan thực hiện thí điểm; giới thiệu luật sư công để thực hiện công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước theo đề nghị của cơ quan thực hiện thí điểm;

e) Xây dựng nội dung, chương trình và thực hiện bồi dưỡng cho luật sư công sau khi được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; tổ chức bồi dưỡng hằng năm cho luật sư công trong phạm vi toàn quốc.

g) Kiểm tra hoạt động của luật sư công theo quy định của pháp luật;

h) Đánh giá hiệu quả hoạt động của luật sư công trên cơ sở tiêu chí đã được ban hành; tổng kết, báo cáo Chính phủ;

i) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố là cơ quan quản lý nhà nước về luật sư công ở địa phương có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Phổ biến, tuyên truyền pháp luật về luật sư công và pháp luật có liên quan;
- b) Tổ chức bồi dưỡng hằng năm cho luật sư công ở địa phương;
- c) Kiểm tra hoạt động của luật sư công theo quy định của pháp luật;
- d) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thực hiện thí điểm

1. Nhận tập sự và phân công người hướng dẫn tập sự theo quy định của Nghị định này.

2. Xác định nhu cầu sử dụng luật sư công, đề nghị tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công để cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho người có đủ tiêu chuẩn tại cơ quan mình.

3. Lập, đăng tải danh sách luật sư công thuộc cơ quan mình.

4. Cử luật sư công của cơ quan mình để giải quyết công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết và Nghị định này.

5. Bảo đảm chế độ chính sách về tiền lương, hỗ trợ, phụ cấp, chi phí và các chế độ, chính sách khác cho luật sư công.

6. Xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm, giải quyết tố cáo liên quan đến luật sư công.

7. Đánh giá hiệu quả hoạt động của luật sư công ở bộ, địa phương trên cơ sở tiêu chí đã được ban hành; tổng kết, gửi báo cáo về Bộ Tư pháp

8. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư

1. Liên đoàn Luật sư Việt Nam có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công;

b) Phối hợp với Bộ Tư pháp xây dựng nội dung, chương trình bồi dưỡng cho luật sư công quy định tại Điều 15 của Nghị định này;

c) Cấp Thẻ luật sư cho luật sư công;

d) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

2. Đoàn Luật sư tỉnh, thành phố nơi thực hiện thí điểm có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện đăng ký gia nhập Đoàn Luật sư cho luật sư công;

- b) Đề nghị Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp Thẻ luật sư cho luật sư công;
- c) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

Chương VI

XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT TỐ CÁO ĐỐI VỚI LUẬT SƯ CÔNG

Điều 23. Xử lý vi phạm đối với luật sư công

1. Luật sư công có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý kỷ luật, bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Luật sư công vi phạm Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong các hình thức kỷ luật theo quy định của Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

Việc xử lý kỷ luật đối với luật sư công được thực hiện theo quy định của Liên đoàn Luật sư Việt Nam và phải có sự trao đổi thống nhất với cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư công.

Điều 24. Giải quyết tố cáo đối với luật sư công

Cá nhân có quyền tố cáo hành vi vi phạm của luật sư công. Tùy từng hành vi vi phạm cụ thể, việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

1. Căn cứ vào nhu cầu thực tế sử dụng luật sư công, cơ quan thực hiện thí điểm thực hiện tuyển dụng người vào làm cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Công an nhân dân, sĩ quan Quân đội nhân dân theo quy định tại Nghị định số 170/2025/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 179/2024/NĐ-CP quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Nghị định số 363/2025/NĐ-CP quy định chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài đối với Quân đội nhân dân Việt Nam.

Người được tuyển dụng phải thực hiện nhiệm vụ của luật sư công và nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Công an nhân dân, sĩ quan quân đội nhân dân.

2. Cơ quan thực hiện thí điểm có trách nhiệm tổ chức triển khai Nghị định này bảo đảm phát huy hiệu quả của đội ngũ luật sư công trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của nhà nước; tránh lãng phí, tiêu cực, lợi dụng quy định để hưởng chế độ, chính sách.

3. Bộ trưởng Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, PL (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Lê Minh Hưng